

TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA  
TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

**BẢN TIN CẢNH BÁO, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT  
THÁNG 4 NĂM 2026  
PHẠM VI: THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO  
TÀI NGUYÊN NƯỚC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đặng Trần Trung**

**NĂM 2026**

## MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG.....</b>	<b>3</b>
1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo.....	3
1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo.....	3
1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất.....	3
1.2.2. Mực nước dưới đất.....	3
1.2.3. Chất lượng nước dưới đất.....	8
<b>II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC .....</b>	<b>9</b>
2.1. Dự báo nguồn nước dưới đất.....	9
2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh).....	9
2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp).....	10
2.1.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n).....	11
2.1.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p).....	12
2.1.5. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (o <sub>3</sub> -s)....	12
2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất .....	13
2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất.....	13
<b>III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>14</b>

## **I. THÔNG TIN CHUNG**

### **1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo**

Bản tin cảnh báo, dự báo nguồn nước dưới đất tháng trong Thành phố Hải Phòng được biên soạn hàng tháng để cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới phục vụ các mục đích quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên nước và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Thành phố Hải Phòng là một thành phố thuộc lưu vực sông Hồng – Thái Bình có diện tích tự nhiên là 3.194,7 km<sup>2</sup>. Mùa mưa diễn ra từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nội dung chính của bản tin tháng bao gồm: Thông báo mực nước dưới đất trung bình tháng 3 năm 2026, chất lượng nước mùa mưa năm 2025 và dự báo mực nước dưới đất hai tháng tiếp theo tại các tầng chứa nước, đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng, chất lượng nước trong phạm vi 20 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

### **1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo**

#### **1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất**

Nguồn nước dưới đất Thành phố Hải Phòng phân bố chủ yếu trong các tầng chứa nước gồm: tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp), tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n), tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p) và tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (o<sub>3</sub>-s). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước qh là 928.666 m<sup>3</sup>/ngày, tầng chứa nước qp là 2.163.978 m<sup>3</sup>/ngày. Đối với tầng chứa nước n, c-p, o<sub>3</sub>-s, tổng tài nguyên nước dự báo theo từng tầng chưa được đánh giá.

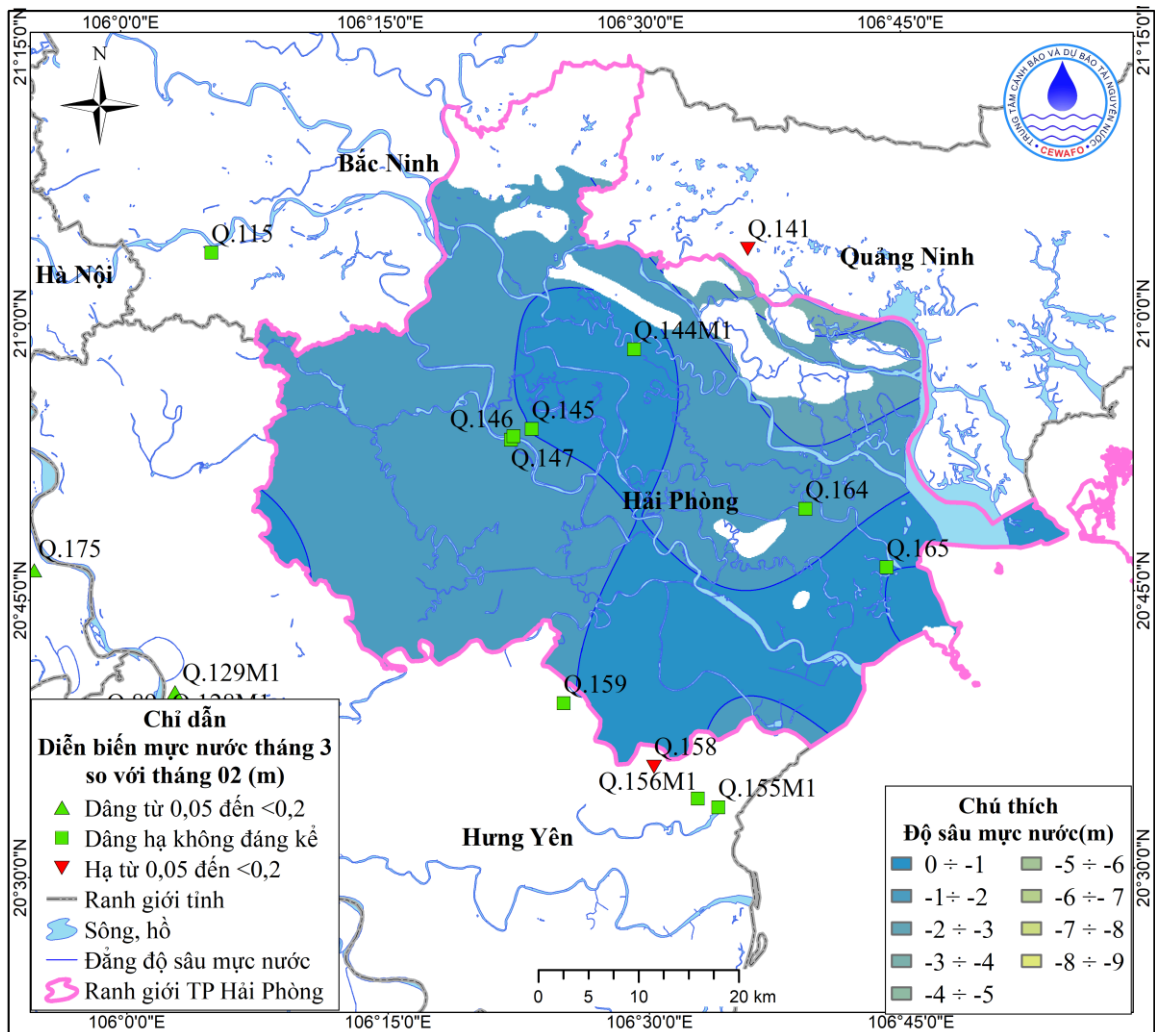
#### **1.2.2. Mực nước dưới đất**

##### **1.2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)**

###### **a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh<sub>2</sub>)**

Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 3 so với tháng 2 có xu thế dâng hạ không đáng kể.

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,07m tại phường Dương Kinh (Q.165) và sâu nhất là -2,1m tại xã Đại Sơn (Q.146).

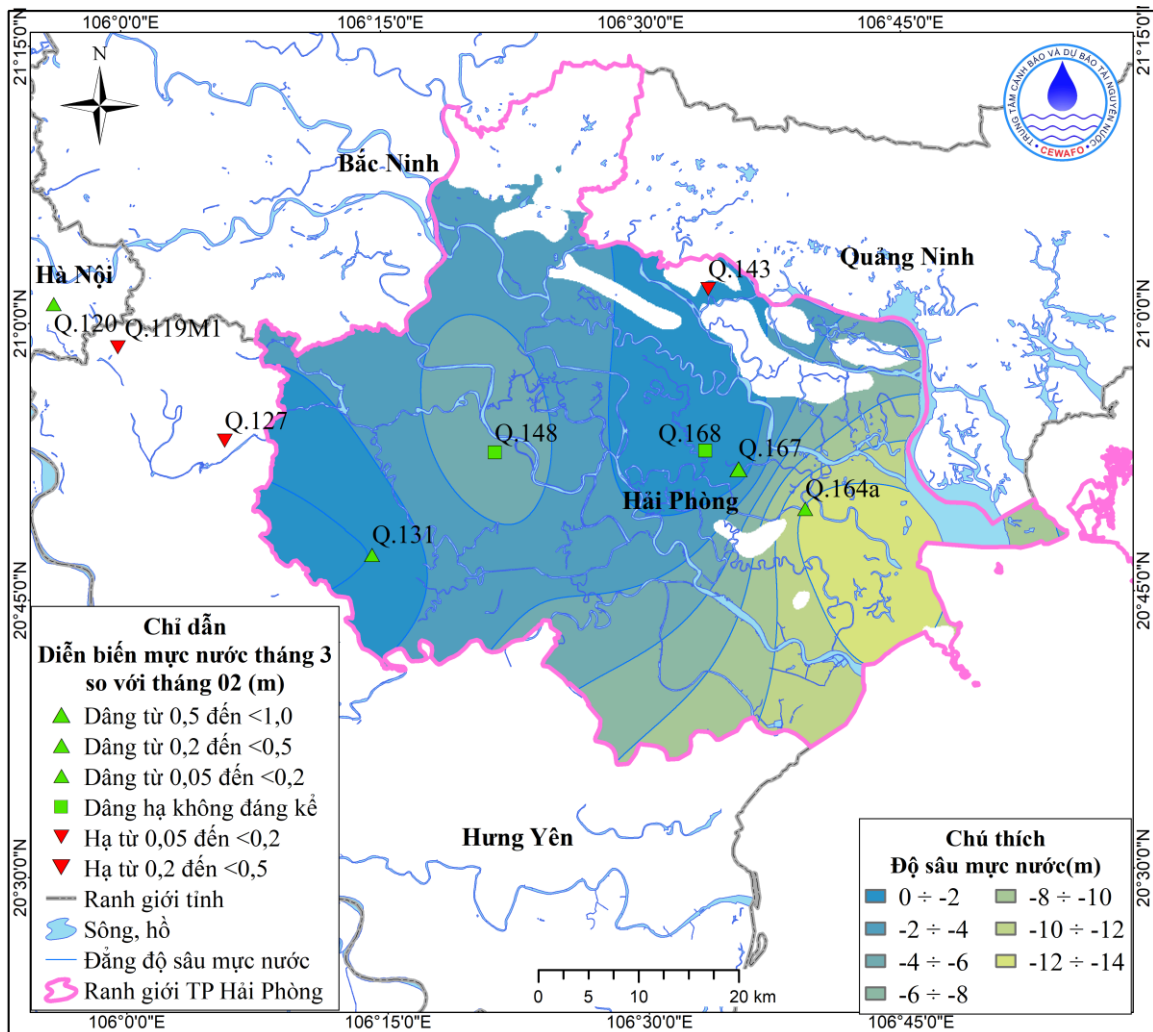


Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 lớp qh<sub>2</sub>

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh<sub>1</sub>)

Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 3 so với tháng 2 có xu thế không rõ ràng. Giá trị dâng cao nhất là 0,63m tại phường An Dương (Q.167) và giá trị hạ thấp nhất là 0,09m tại phường Nhị Chiểu (Q.143).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -12,2m tại xã Thanh Miện (Q.131) và sâu nhất là -0,09m tại phường Kiến An (Q.164a).



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 lớp qh<sub>1</sub>

### 1.2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

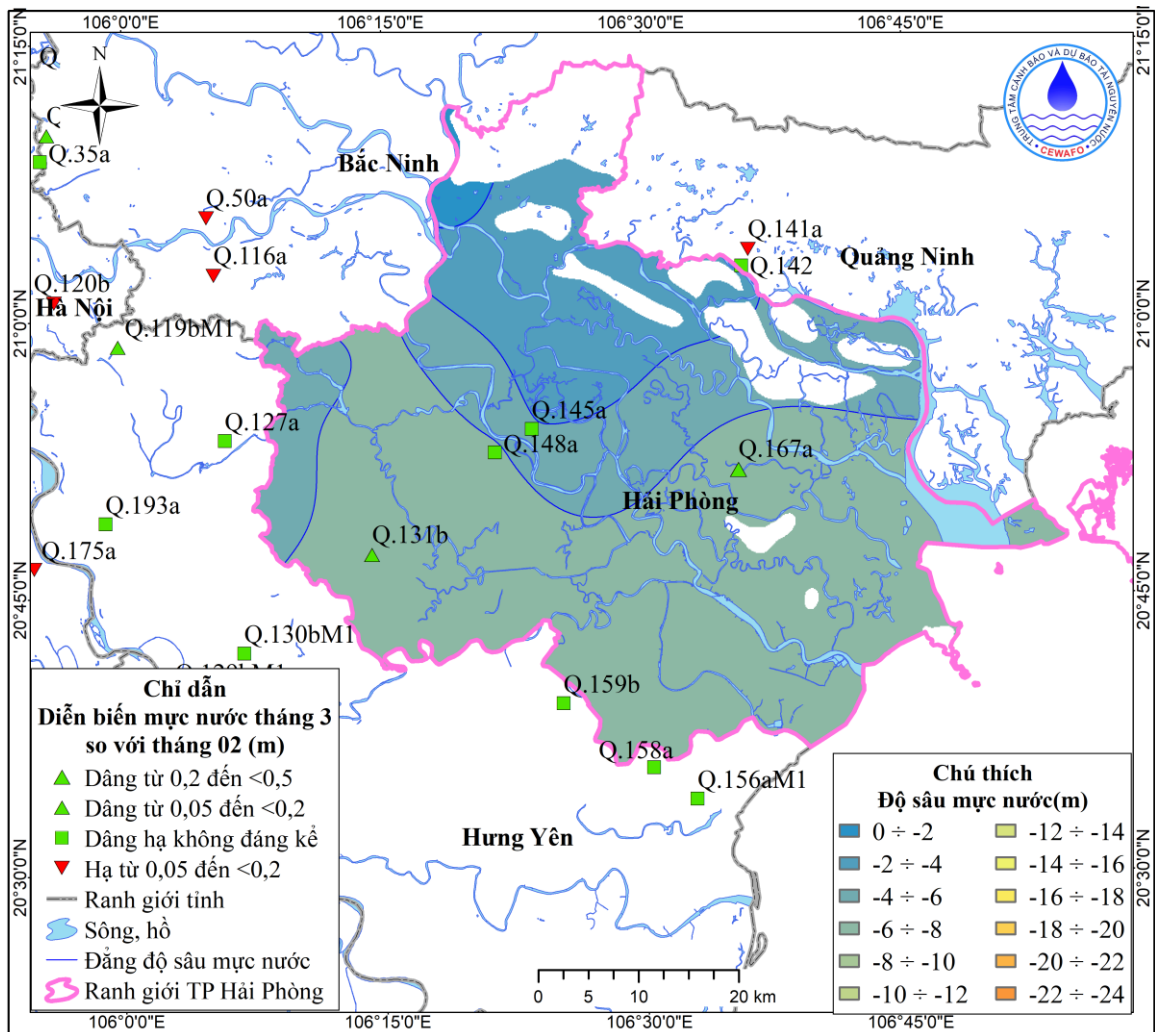
#### a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp<sub>2</sub>)

Theo kết quả quan trắc tại công trình Q.131a thuộc xã Thanh Miện, mực nước trung bình tháng 3 dâng hạ không đáng kể so với tháng 2.

#### b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp<sub>1</sub>)

Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 3 so với tháng 2 có xu thế không rõ ràng. Giá trị dâng cao nhất là 0,38m tại phường An Dương (Q.167a).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -4,25m tại xã Hà Tây (Q.145a) và sâu nhất là -7,13m tại phường An Dương (Q.167a).



Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 3 lớp q<sub>1</sub>

**1.2.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)**

Theo kết quả quan trắc tại công trình Q.149 thuộc xã Tuệ Tĩnh, mực nước trung bình tháng 3 dâng hạ không đáng kể so với tháng 2.

**1.2.2.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)**

Theo kết quả quan trắc tại công trình Q.143a thuộc phường Nhị Chiêu, mực nước trung bình tháng 3 hạ 0,09m so với tháng 2.

**1.2.2.5. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (o<sub>3-s</sub>)**

Theo kết quả quan trắc tại công trình Q.164b phường Kiến An, mực nước trung bình tháng 3 hạ 0,09m so với tháng 2.

Bảng 1. Tổng hợp độ sâu mực nước tháng

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
<b>I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)</b>					
<b>I.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh<sub>2</sub>)</b>					

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
1	Q.144M1	xã Phú Thái	-0,35	-0,40	-0,37
2	Q.145	xã Hà Tây	-0,85	-0,91	-0,87
3	Q.146	xã Đại Sơn	-2,05	-2,16	-2,10
4	Q.147	xã Đại Sơn	-1,50	-1,67	-1,58
5	Q.164	phường Kiến An	-1,67	-1,76	-1,71
6	Q.165	phường Dương Kinh	-0,02	-0,13	-0,07
<b>I.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh<sub>1</sub>)</b>					
1	Q.131	xã Thanh Miện	-0,03	-0,21	-0,08
2	Q.148	xã Đại Sơn	-5,40	-5,52	-5,46
3	Q.164a	phường Kiến An	-12,14	-12,28	-12,20
4	Q.167	phường An Dương	-0,64	-1,47	-0,79
5	Q.168	phường An Phong	-0,11	-0,19	-0,15
6	Q.143	phường Nhị Chiểu	-1,25	-1,29	-1,27
<b>II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)</b>					
<b>II.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp<sub>2</sub>)</b>					
1	Q.131a	xã Thanh Miện	-6,39	-6,68	-6,51
<b>II.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp<sub>1</sub>)</b>					
1	Q.131b	xã Thanh Miện	-6,30	-6,74	-6,49
2	Q.145a	xã Hà Tây	-4,23	-4,28	-4,25
3	Q.148a	xã Đại Sơn	-6,34	-6,57	-6,46
4	Q.167a	phường An Dương	-7,05	-7,41	-7,15
<b>III. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)</b>					
1	Q.149	xã Tuệ Tĩnh	-5,18	-5,21	-5,20
<b>IV. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)</b>					
1	Q.143a	phường Nhị Chiểu	-4,97	-5,02	-5,00
<b>V. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (o3-s)</b>					
1	Q.164b	phường Kiến An	-12,47	-13,19	-12,83

### **1.2.3. Chất lượng nước dưới đất**

#### **1.2.3.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)**

##### **a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh<sub>2</sub>)**

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2025 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến mặn theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt quá giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết như sau:

- Thông số độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 4/6 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.165 (phường Dương Kinh).

- Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy đa số các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, có thông số Mangan (2/2 công trình) vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.146 (xã Đại Sơn); Chì (2/2 công trình) vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.144M1 (xã Phú Thái); Arsenic (1/2 công trình) vượt tại công trình Q.146 (xã Đại Sơn).

- Thông số Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>): Theo kết quả phân tích có 3/3 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.144M1 (xã Phú Thái).

##### **b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh<sub>1</sub>)**

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2025 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến mặn, theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt quá giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết như sau:

- Thông số độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 3/6 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.148 (xã Đại Sơn).

- Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy đa số các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, có thông số Mangan (3/5 công trình) vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.168 (phường An Phong); Chì (3/5 công trình) vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.143 (phường Nhị Chiểu); Arsenic (1/5 công trình) vượt tại công trình Q.143 (phường Nhị Chiểu).

- Thông số Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>): Theo kết quả phân tích có 4/5 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.143 (phường Nhị Chiểu).

#### **1.2.3.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)**

##### **a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp<sub>2</sub>)**

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2025 tại công trình Q.131a (xã Thanh Miện) cho thấy nước thuộc loại nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT không có thông số nào vượt GTGH.

##### **b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp<sub>1</sub>)**

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2025 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến mặn, theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt quá giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết như sau:

- Thông số độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 2/4 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.145a (xã Hà Tây).

- Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy đa số các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, có thông số Mangan (1/3 công trình) vượt GTGH tại công trình Q.148a (xã Đại Sơn).

- Thông số Amoni ( $\text{NH}_4^+$ ): Theo kết quả phân tích có 2/3 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.148a (xã Đại Sơn).

### ***1.2.3.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)***

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2025 tại công trình Q.149 (xã Tuệ Tĩnh) cho thấy nước thuộc loại nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT không có thông số nào vượt GTGH.

### ***1.2.3.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)***

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2025 tại công trình Q.143a (phường Nhị Chiểu) cho thấy nước thuộc loại nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT không có thông số nào vượt GTGH.

### ***1.2.3.5. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (o3-s)***

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2025 tại công trình Q.164b (phường Kiến An) cho thấy nước thuộc loại nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT không có thông số nào vượt GTGH.

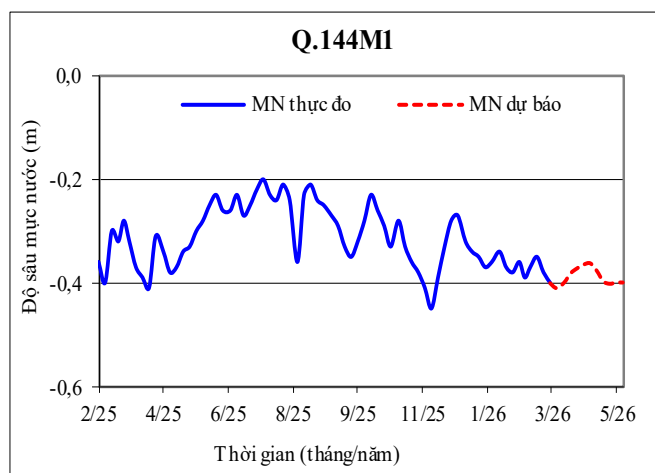
## **II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC**

### **2.1. Dự báo nguồn nước dưới đất**

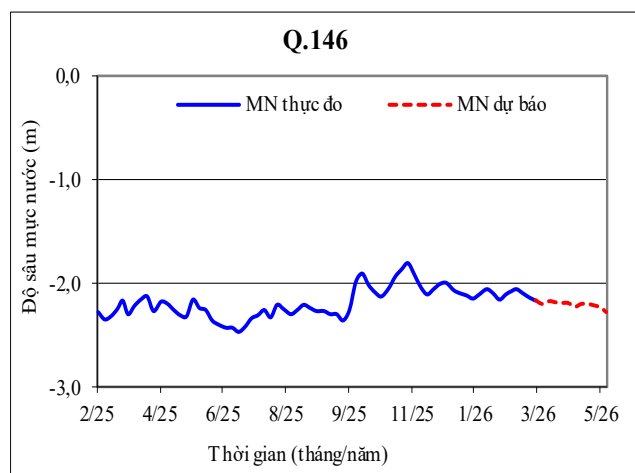
#### ***2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)***

##### ***2.1.1.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh<sub>2</sub>)***

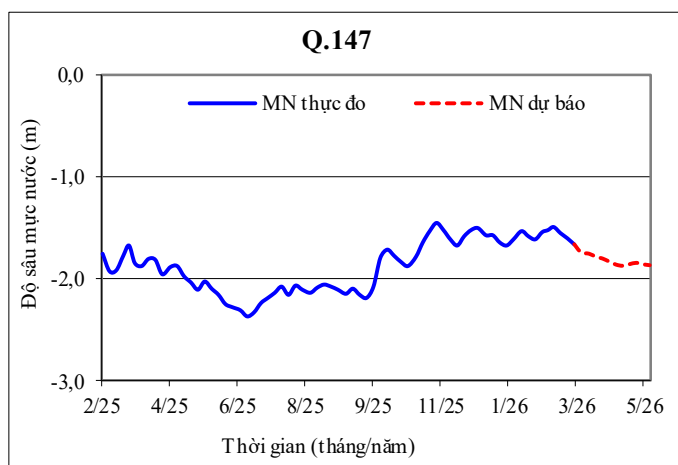
Trong tháng 4 và tháng 5 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,1 - 0,3m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a. xã Phú Thái (Q.144M1)



b. xã Đại Sơn (Q.146)

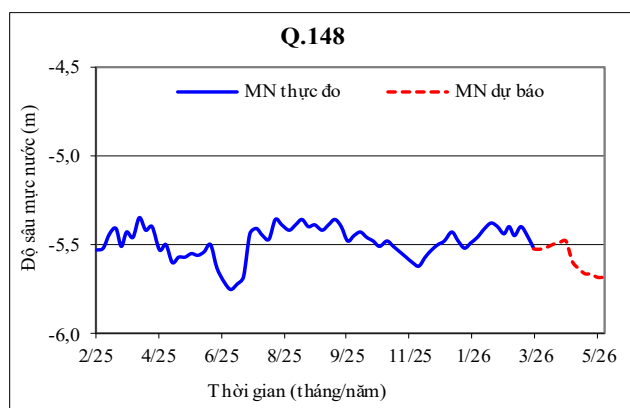


c. xã Đại Sơn (Q.147)

Hình 4. Dự báo độ sâu mực nước lớp  $qh_2$

### 2.1.1.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới ( $qh_1$ )

Trong tháng 4 và tháng 5 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,1 - 0,3m. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình quan trắc Q.148 như sau:

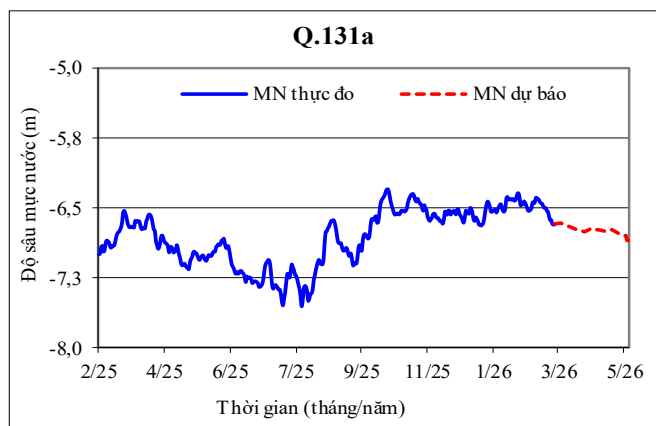


Hình 5. Dự báo độ sâu mực nước lớp  $qh_1$

### 2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen ( $qp$ )

#### 2.1.2.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên ( $qp_2$ )

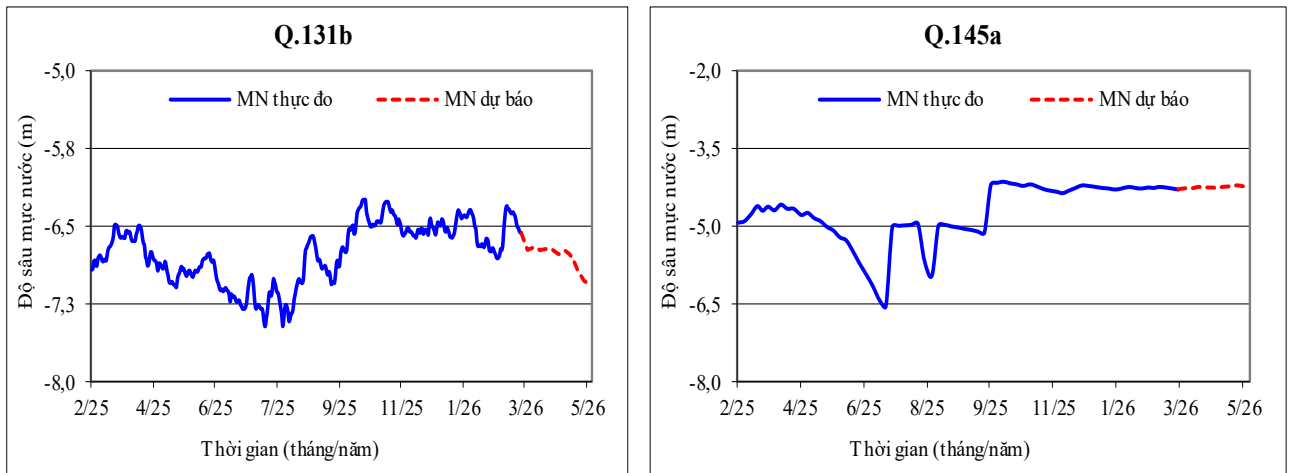
Trong tháng 4 và tháng 5 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,1 - 0,2m. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q.131a như sau:



Hình 6. Dự báo độ sâu mực nước lớp  $qp_2$

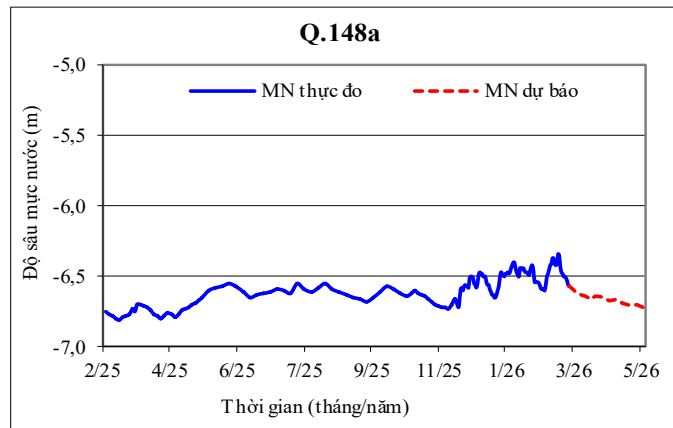
**2.1.2.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp<sub>1</sub>)**

Trong tháng 4 và tháng 5 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,2-0,4m, khu vực Hà Tây có xu thế dâng hạ không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a. xã Thanh Miện (Q.131b)

b. xã Hà Tây (Q.145a)

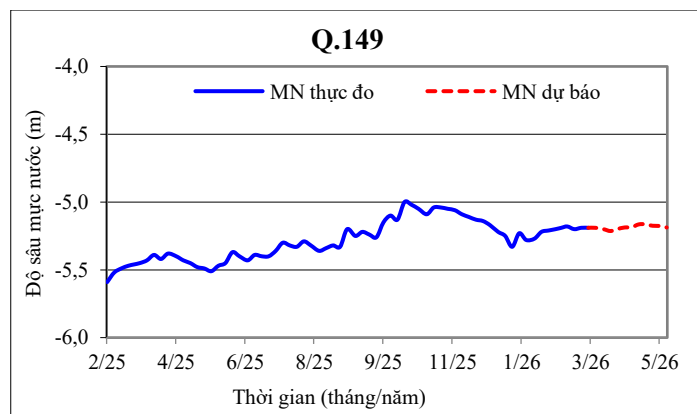


c. xã Đại Sơn (Q.148a)

Hình 7. Dự báo độ sâu mực nước lớp qp<sub>1</sub>

**2.1.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)**

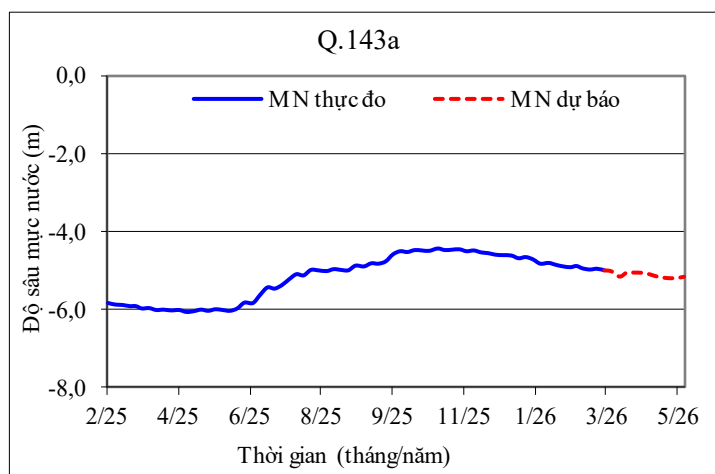
Trong tháng 4 và tháng 5 dự báo mực nước có xu thế dâng hạ không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình quan trắc Q.149 như sau:



Hình 8. Dự báo độ sâu mực nước tầng n

#### 2.1.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)

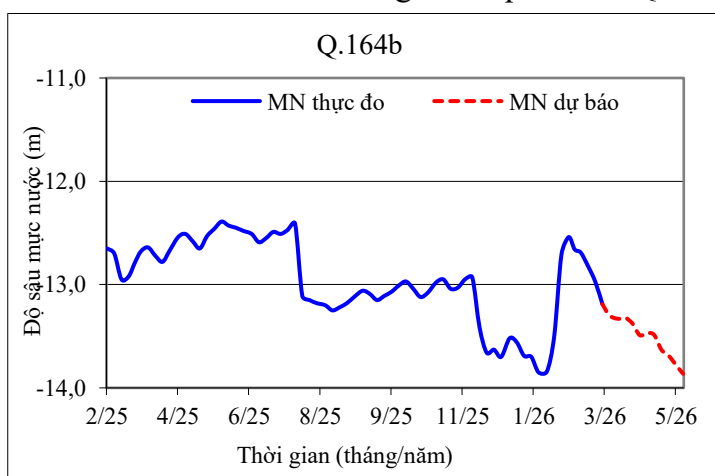
Trong tháng 4 và tháng 5 dự báo mực nước có xu thế hạ, mực nước dao động từ 0,1-0,3m. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình quan trắc Q.143a như sau:



Hình 9. Dự báo độ sâu mực nước tầng c-p

#### 2.1.5. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (o<sub>3</sub>-s)

Trong tháng 4 và tháng 5 dự báo mực nước có xu thế hạ, mực nước dao động từ 0,3-0,5m. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình quan trắc Q.164b như sau:



Hình 10. Dự báo độ sâu mực nước tầng o<sub>3</sub>-s

Bảng 2. Tổng hợp độ sâu mực nước dự báo từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2026

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
<b>I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)</b>						
<b>I.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh<sub>2</sub>)</b>						
1	Q.144M1	xã Phú Thái	-0,36	-0,40	-0,38	18/5/2026
2	Q.145	xã Hà Tây	-0,81	-0,92	-0,87	30/5/2026
3	Q.146	xã Đại Sơn	-2,17	-2,28	-2,21	30/5/2026
4	Q.147	xã Đại Sơn	-1,76	-1,87	-1,83	06/5/2026

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
5	Q.164	phường Kiến An	-3,39	-1,78	-1,75	05/4/2026
6	Q.165	phường Dương Kinh	-0,12	-0,33	-0,22	18/4/2026
<b>I.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh<sub>1</sub>)</b>						
1	Q.131	xã Thanh Miện	-0,01	-0,07	-0,04	24/4/2026
2	Q.148	xã Đại Sơn	-5,48	-5,68	-5,58	24/5/2026
3	Q.164a	phường Kiến An	-12,31	-12,82	-12,58	30/5/2026
4	Q.167	phường An Dương	-0,58	-0,81	-0,69	06/4/2026
5	Q.168	phường An Phong	-0,16	-0,22	-0,19	12/4/2026
6	Q.143	phường Nhị Chiểu	-1,17	-1,29	-1,26	06/5/2026
<b>II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)</b>						
<b>II.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp<sub>2</sub>)</b>						
1	Q.131a	xã Thanh Miện	-6,68	-6,81	-6,75	28/5/2026
<b>II.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp<sub>1</sub>)</b>						
1	Q.131b	xã Thanh Miện	-6,70	-7,05	-6,79	29/5/2026
2	Q.145a	xã Hà Tây	-4,21	-4,26	-4,24	06/4/2026
3	Q.148a	xã Đại Sơn	-6,62	-6,72	-6,67	29/5/2026
4	Q.167a	phường An Dương	-7,32	-7,69	-7,46	18/5/2026
<b>III. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)</b>						
1	Q.149	xã Tuệ Tĩnh	-5,16	-5,21	-5,19	12/4/2026
<b>IV. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)</b>						
1	Q.143a	phường Nhị Chiểu	-5,06	-5,18	-5,13	18/5/2026
<b>V. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (o<sub>3</sub>-s)</b>						
1	Q.164b	phường Kiến An	-13,32	-13,86	-13,54	30/5/2026

## 2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất

Dự báo mực nước dưới đất tháng 4 và tháng 5 so với mực nước quan trắc tháng 3 có xu thế hạ tại lớp chứa nước qh<sub>2</sub>, qh<sub>1</sub>, qp<sub>2</sub>, qp<sub>1</sub> và tầng chứa nước c-p, o<sub>3</sub>-s; xu thế dâng hạ không đáng kể tại tầng chứa nước n.

## 2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất

Theo Khoản 18 Điều 1 Nghị định 23/2026/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong thành phố Hải Phòng thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi thành phố Hải Phòng chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong thành phố và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Đa số các thông số chất lượng nước trong Thành phố nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 09:2023/BTNMT. Tuy nhiên một số công trình có thông số vượt GTGH, tập trung ở các tầng chứa nước Holocen (qh), Pleistocen (qp). Các thông số vượt bao gồm độ mặn (TDS), Mangan, Arsenic và Amoni. Một số khu vực đáng lưu ý như sau:

+ Tầng qh: Độ mặn vượt lớn nhất tại xã Đại Sơn (Q.148); Mangan vượt lớn nhất tại phường An Phong (Q.168); Chì, Amoni vượt lớn nhất tại phường Nhị Chiểu (Q.143);

+ Tầng qp: Độ mặn vượt tại xã Hà Tây (Q.145a); Mangan, Amoni vượt tại xã Đại Sơn (Q.148a).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

- Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;
- Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

*Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về:*

*Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.*

*Địa chỉ: số 10, ngõ 42 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.*

*Email: [ttqhdttnng\\_bkth@mae.gov.vn](mailto:ttqhdttnng_bkth@mae.gov.vn)*

*Bản tin được đăng tải tại Website: [nawapi.gov.vn](http://nawapi.gov.vn); [cewaf.gov.vn](http://cewaf.gov.vn)*

**PHỤ LỤC**  
**GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**  
**(QCVN 09:2023/BTNMT)**

	TT	Thông số	Đơn vị	GTGH
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo Nitơ)	mg/l	15
	4	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo Nitơ)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO <sub>3</sub> )	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo Nitơ)	mg/l	1
	10	Fluoride (F <sup>-</sup> )	mg/l	1
	11	Sulfate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN <sup>-</sup> )	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin (C <sub>12</sub> H <sub>8</sub> Cl <sub>6</sub> )	mg/l	0,0001
	24	Lindane (C <sub>6</sub> H <sub>6</sub> Cl <sub>6</sub> )	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin (C <sub>12</sub> H <sub>8</sub> Cl <sub>6</sub> O)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C <sub>14</sub> H <sub>9</sub> Cl <sub>5</sub> )	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde (C <sub>10</sub> H <sub>5</sub> Cl <sub>7</sub> & C <sub>10</sub> H <sub>5</sub> Cl <sub>7</sub> O)	mg/l	0,001
	28	Diazinon (C <sub>12</sub> H <sub>21</sub> N <sub>2</sub> O <sub>3</sub> PS)	mg/l	0,02
	29	Parathion (C <sub>10</sub> H <sub>14</sub> NO <sub>3</sub> PS)	mg/l	0,06
	30	Phenol (C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> OH)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện